

TÁC ĐỘNG BẤT ĐỐI XỨNG CỦA BẤT ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ TOÀN CẦU ĐẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

Đỗ Thị Hương¹; Nguyễn Thị Thùy Dương²; Trần Thị Linh³

Nghiên cứu phân tích tác động bất đối xứng của bất định chính sách kinh tế toàn cầu (Global Economic Policy Uncertainty - GEPU) đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 01 năm 2010 đến tháng 03 năm 2025. Sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian theo tháng và mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến (Nonlinear Autoregressive Distributed Lag - NARDL), nghiên cứu xem xét sự khác biệt trong phản ứng của xuất khẩu thủy sản trước các cú sốc gia tăng và suy giảm của GEPU. Kết quả thực nghiệm cho thấy GEPU có tác động bất đối xứng trong ngắn hạn nhưng không có ảnh hưởng đáng kể trong dài hạn. Cụ thể, các cú sốc gia tăng bất định có xu hướng thúc đẩy xuất khẩu thủy sản ở một số độ trễ nhất định, trong khi các cú sốc suy giảm bất định tạo ra tác động đa chiều và chuyển sang tiêu cực ở các độ trễ sâu hơn. Ngoài ra, tỷ giá hối đoái thực và chỉ số sản xuất công nghiệp có ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu trong ngắn hạn. Nghiên cứu đóng góp bằng chứng thực nghiệm mới về tác động phi tuyến của bất định chính sách kinh tế toàn cầu ở cấp độ ngành tại Việt Nam, đồng thời cung cấp hàm ý chính sách nhằm nâng cao khả năng thích ứng của ngành thủy sản trước các cú sốc bất định kinh tế toàn cầu.

Từ khóa: bất định chính sách kinh tế toàn cầu, tác động bất đối xứng, Việt Nam, xuất khẩu thủy sản.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế không ngừng gia tăng, thương mại quốc tế đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các biến động chính trị và kinh tế toàn cầu (Al-Thaqeb & Algharabali, 2019; Songur, 2022). Theo World Trade Organization (2021), khối lượng thương mại hàng hóa toàn cầu đã giảm 5,3% trong năm 2020 dưới tác động của đại dịch COVID-19 và các cú sốc bất định kinh tế - chính trị. Sự suy giảm này phản ánh mức độ nhạy cảm cao của thương mại quốc tế trước các cú sốc bất định, khi các thay đổi trong chính sách, cùng với biến động giá cả, có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng trên diện rộng (Acemoglu & Tahbaz-Salehi, 2025; De Carvalho & Dimitrakopoulos, 2021). Đồng thời, sự gia tăng bất định còn khiến các thị trường lao động, tín dụng, ngoại hối và chứng khoán trở nên biến động mạnh (Dash và cộng sự, 2021; Hu & Gong, 2019; Krol, 2014), qua đó làm gia tăng rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế.

Đối với các nền kinh tế định hướng xuất khẩu, đặc biệt là nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, việc hiểu rõ tác động của bất định chính sách kinh tế toàn cầu đến xuất khẩu có ý nghĩa

¹ Tiến sĩ - Đại học Kinh tế Quốc dân; Email: dthuong@neu.edu.vn

² Đại học Kinh tế Quốc dân

³ Đại học Kinh tế Quốc dân

đặc biệt quan trọng. Xuất khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển trong giai đoạn chịu ảnh hưởng bởi các cú sốc bên ngoài (Mersha, 2025; Yahya và cộng sự, 2020). Trong bối cảnh đó, tại Việt Nam, ngành thủy sản là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực, với kim ngạch xuất khẩu hằng năm duy trì ở mức khoảng 9-10 tỷ USD, đóng góp 4-5% vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của cả nước (Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, 2025). Tuy nhiên, do đặc thù phụ thuộc lớn vào thị trường quốc tế, ngành thủy sản đặc biệt dễ bị tổn thương trước các biến động bất định của môi trường kinh tế toàn cầu như sự thay đổi chính sách và sự gia tăng đột biến của chi phí đầu vào (Gephart và cộng sự, 2016).

Cho đến nay, hầu hết các nghiên cứu hiện có về mối quan hệ giữa bất định chính sách kinh tế và xuất khẩu chủ yếu tiếp cận theo hướng tuyến tính và tập trung phân tích ở cấp độ tổng thể hoặc đối với các nền kinh tế lớn, trong khi các nghiên cứu ở cấp độ ngành còn tương đối hạn chế, đặc biệt đối với ngành thủy sản tại Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục đích mở rộng các tài liệu hiện có bằng cách phân tích một cách có hệ thống tác động bất đối xứng của GEPU đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu tập trung đánh giá sự khác biệt trong phản ứng của xuất khẩu thủy sản trước các cú sốc bất định theo chiều hướng gia tăng và suy giảm, trên cơ sở áp dụng các phương pháp NARDL nhằm nắm bắt đặc điểm phi tuyến và động của mối quan hệ này. Thông qua đó, nghiên cứu kỳ vọng cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới, đồng thời đưa ra các hàm ý chính sách thiết thực nhằm nâng cao khả năng thích ứng và chống chịu của ngành thủy sản Việt Nam trong bối cảnh bất định toàn cầu ngày càng gia tăng.

2. Cơ sở lý thuyết

Hoạt động ngoại thương của một quốc gia chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố trong nước và quốc tế, như điều kiện kinh tế vĩ mô, tỷ giá và môi trường thể chế (Aslan & Acikgoz, 2023). Trong đó, chính sách kinh tế của chính phủ đóng vai trò then chốt trong việc định hướng và điều tiết hoạt động thương mại quốc tế, tuy nhiên sự thay đổi và thiếu nhất quán của các chính sách này theo thời gian làm gia tăng mức độ bất định, qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến kỳ vọng và quyết định của doanh nghiệp, đồng thời kìm hãm hoạt động kinh tế và thương mại quốc tế (Caldara và cộng sự, 2020; Handley & Limão, 2015). Bất định chính sách kinh tế (Economic Policy Uncertainty - EPU) thể hiện sự thiếu rõ ràng về định hướng tương lai của các chính sách điều tiết, thương mại, tài khóa và tiền tệ (Baker và cộng sự, 2016) và được xem là một thành phần quan trọng của bất định kinh tế tổng thể.

EPU ảnh hưởng đến xuất khẩu thông qua cả kênh trực tiếp và gián tiếp với những cơ chế truyền dẫn khác nhau. Trên phương diện trực tiếp, EPU ảnh hưởng đến quyết định của doanh nghiệp trong việc đầu tư phục vụ thị trường nước ngoài hoặc nhập khẩu nguyên vật liệu, từ đó tác động đến năng lực xuất khẩu. Xét về bản chất, tác động trực tiếp này thể hiện dưới dạng hiệu ứng mức độ (level effect), khi xuất khẩu có xu hướng giảm trong điều kiện bất định cao (Hlatshwayo & Saxegaard, 2016). Mặt khác, thông qua kênh gián tiếp, mức độ bất định gia tăng tạo ra hiệu ứng độ nhạy (sensitivity effect), khiến doanh nghiệp phản ứng kém hơn trước các biến động của cầu,

giá cả và năng suất, qua đó làm suy yếu động lực điều chỉnh và mở rộng xuất khẩu trong bối cảnh bất định gia tăng (Bloom, 2014).

Các lý thuyết hiện nay chưa đạt được sự đồng thuận hoàn toàn về tác động của bất định chính sách kinh tế đối với xuất khẩu bởi có nhiều cơ chế lý thuyết cho thấy bất định có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các biến kinh tế liên quan. Theo lý thuyết tùy chọn thực, trong giai đoạn bất định cao, giá trị của việc chờ đợi tăng lên nếu tồn tại chi phí đầu tư không thể đảo ngược. Khi đó, doanh nghiệp có xu hướng “chờ và quan sát” và trì hoãn đầu tư (Bernanke, 1983; Dixit, 1989). Bên cạnh đó, theo lý thuyết này, chi tiêu tiêu dùng cũng giảm khi mức độ bất định kinh tế gia tăng (Romer, 1990). Ngược lại, trái với quan điểm phổ biến cho rằng EPU tác động tiêu cực đến thương mại, lý thuyết quyền chọn tăng trưởng (growth option theory) cho rằng bất định có thể thúc đẩy đầu tư và xuất khẩu (Jia và cộng sự, 2020; Paddock và cộng sự, 1988). Theo đó, các doanh nghiệp có thể chấp nhận rủi ro cao hơn và tăng đầu tư để bù đắp tổn thất do bất định gia tăng (Abel, 1983; Arellano và cộng sự, 2010).

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu là chuỗi thời gian theo tháng, bao phủ giai đoạn từ tháng 01 năm 2010 đến tháng 03 năm 2025. Cụ thể, các biến được đo lường như sau:

Bảng 1. Cách đo lường và nguồn các biến nghiên cứu

Dữ liệu	Cách đo lường	Nguồn dữ liệu
Chỉ số bất định chính sách kinh tế toàn cầu (GEPU)	Điểm (Index)	https://www.policyuncertainty.com
Giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam (EX)	USD (triệu USD)	Cục Thống kê Việt Nam
Tỷ giá hối đoái thực (RER)	$RER = NER \times \frac{CPI^{VN}}{CPI^{US}}$	NER: Dịch vụ Tỷ giá Hối đoái Thái Bình Dương (Pacific Exchange Rate Service) CPI: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund - IMF)
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI)	So sánh với năm gốc 2010 (IPI2010 = 100)	Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này phân tích tác động bất đối xứng của bất định chính sách kinh tế toàn cầu (GEPU) đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam bằng cách sử dụng mô hình NARDL do Shin và cộng sự (2014) đề xuất, trên cơ sở mở rộng phương pháp mô hình Tự hồi quy Phân phối Trễ (Autoregressive Distributed Lag - ARDL) của Pesaran và cộng sự (2001). Mô hình hồi quy cơ bản được thiết lập như sau:

$$\ln EX_t = \beta_0 + \beta_1 \ln GEPU^+ + \beta_2 \ln GEPU^- + \beta_3 \ln RER_t + \beta_4 \ln IPI_t + \varepsilon_t$$

Trong đó, $\ln EX_t$ là log tự nhiên của giá trị xuất khẩu; $\ln RER_t$ là log của tỷ giá hối đoái thực, và $\ln IPI_t$ là log của chỉ số sản xuất công nghiệp; $\ln GEPU^+$ và $\ln GEPU^-$ lần lượt là tổng tích lũy của các biến động dương và âm của bất định chính sách kinh tế toàn cầu, được xác định như sau:

$$GEPU_t^+ = \sum_{j=1}^t \max(\Delta \ln GEPU_j, 0), \quad GEPU_t^- = \sum_{j=1}^t \min(\Delta \ln GEPU_j, 0)$$

Khung NARDL được lựa chọn vì một số ưu điểm nổi bật. Thứ nhất, phương pháp này cho phép kết hợp các biến có bậc tích hợp khác nhau, cụ thể là $I(0)$ và $I(1)$, mà không yêu cầu tất cả các biến phải có cùng bậc tích hợp. Thứ hai, mô hình cho phép ước lượng đồng thời các tác động bất đối xứng trong ngắn hạn và dài hạn trong cùng một khuôn khổ hiệu chỉnh sai số. Thứ ba, NARDL hoạt động hiệu quả với cỡ mẫu nhỏ và cho kết quả đáng tin cậy ngay cả khi tồn tại một mức độ nội sinh nhất định.

Để đảm bảo điều kiện áp dụng phương pháp NARDL, nghiên cứu tiến hành kiểm định nghiệm đơn vị nhằm xác định bậc tích hợp của các biến. Cụ thể, các kiểm định Dickey-Fuller mở rộng (Augmented Dickey-Fuller Test - ADF) và Phillips-Perron (PP) được sử dụng để kiểm tra tính dừng của chuỗi dữ liệu, đảm bảo rằng các biến chỉ tích hợp ở bậc $I(0)$ hoặc $I(1)$.

Tiếp theo, kiểm định Bounds trong khuôn khổ NARDL được sử dụng để đánh giá sự tồn tại của mối quan hệ đồng liên kết dài hạn giữa các biến. Dạng hiệu chỉnh sai số không bị ràng buộc (Unrestricted Error Correction Model - UECM) của mô hình NARDL được biểu diễn như sau:

$$\begin{aligned} \Delta \ln EX_t = & \alpha_0 + \sum_{i=1}^p \alpha_1 \Delta \ln EX_{t-i} + \sum_{i=0}^{q_1} \alpha_2 \Delta \ln GEPU_{t-i}^+ + \sum_{i=0}^{q_2} \alpha_3 \Delta \ln GEPU_{t-i}^- + \sum_{i=0}^{q_3} \alpha_4 \Delta \ln RER_{t-i} \\ & + \sum_{i=0}^{q_4} \alpha_5 \Delta \ln IPI_{t-i} + \lambda_1 \ln EX_{t-1} + \lambda_2 \ln GEPU_{t-1}^+ + \lambda_3 \ln GEPU_{t-1}^- + \lambda_4 \ln RER_{t-1} + \lambda_5 \ln IPI_{t-1} + \varepsilon_t \end{aligned}$$

Trong đó, Δ là toán tử sai phân bậc nhất; p, q_1, q_2, q_3, q_4 là các độ trễ tối ưu của các biến, được lựa chọn dựa trên tiêu chí thông tin Akaike (AIC). Kiểm định Bounds được sử dụng để kiểm tra giả thuyết H_0 rằng không tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa các biến. Khi giả thuyết này bị bác bỏ, có thể kết luận tồn tại đồng liên kết, từ đó cho phép ước lượng các tác động ngắn hạn thông

qua mô hình hiệu chỉnh sai số (Error Correction Model - ECM) và các hệ số dài hạn từ mô hình NARDL.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả của mẫu

Kết quả thống kê mô tả của mẫu được tính toán và tóm tắt trong Bảng 2.

Bảng 2. Thống kê mô tả dữ liệu

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
EX	183	659,012	171,807	228,241	1.126,139
GEPU	183	186,453	68,857	91,15	468,84
RER	183	29.305,08	3.851,711	17.823,5	33.909,24
IPI	183	94,382	13,536	57	124,73

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả chạy phần mềm STATA

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản (EX) đạt giá trị trung bình khoảng 659,01 triệu USD, với mức dao động khá lớn từ 228,241 đến 1.126,139 triệu USD, phản ánh sự biến động đáng kể về quy mô xuất khẩu trong giai đoạn nghiên cứu (2010 - 2025). Chỉ số bất định chính sách kinh tế toàn cầu (GEPU) có giá trị trung bình 186,453 và biến thiên tương đối lớn, phản ánh mức độ bất ổn của nền kinh tế thế giới thay đổi mạnh theo thời gian. Tỷ giá thực (RER) đạt mức trung bình 29.305,08 với độ lệch chuẩn cao, cho thấy sự biến động đáng kể của yếu tố tỷ giá. Trong khi đó, chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI) có mức trung bình 94,382 và dao động trong khoảng hẹp hơn, hàm ý hoạt động sản xuất duy trì mức độ ổn định tương đối.

4.2. Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị

Để kiểm tra tính dừng của dữ liệu, kiểm định ADF (1979) và PP (1997) đã được áp dụng. Kết quả của các bài kiểm định được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị

Biến	Kiểm định ADF		Kiểm định Phillips-Perron	
	Không có xu hướng	Có xu hướng	Không có xu hướng	Có xu hướng
LNEX				
Nghiệm đơn vị bậc I(0)	-1,455	-2,708	-5,310***	-7,926***
Nghiệm đơn vị bậc I(1)	-4,058***	-4,048***		
LNGEPU ⁺				
Nghiệm đơn vị bậc I(0)	-0,097	-2,059	0,527	-2,503
Nghiệm đơn vị bậc I(1)	-3,640***	-3,628**	-17,029***	-17,005***
LNGEPU ⁻				
Nghiệm đơn vị bậc I(0)	-0,890	-2,067	-0,241	-2,894
Nghiệm đơn vị bậc I(1)	-3,456***	-3,425**	-16,766***	-16,718***
LNRER				
Nghiệm đơn vị bậc I(0)	-3,973***	-4,491***	-5,269***	-3,954***
LNIPI				
Nghiệm đơn vị bậc I(0)	-2,412	-4,491	-4,953***	-4,979***
Nghiệm đơn vị bậc I(1)	-3,468***	-3,521**		

Ghi chú: *** và ** lần lượt biểu thị mức ý nghĩa thống kê 1% và 5%.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả chạy phần mềm STATA

Cụ thể, kết quả thu được từ ADF cho thấy các biến LNEX, LNGEPU⁺, LNGEPU⁻ và LNIPI là I(1), trong khi biến LNRER là I(0). Bên cạnh đó, kết quả của kiểm định Phillips-Perron xác nhận rằng các biến LNGEPU⁺ và LNGEPU⁻ là I(1), trong khi các biến LNEX, LNRER và LNIPI là I(0). Kết quả cho thấy tất cả các biến được nghiên cứu đều đáp ứng điều kiện để tiến hành kiểm tra giới hạn ARDL.

4.3. Kết quả kiểm định giới hạn ARDL

Nghiên cứu sử dụng kiểm định giới hạn do Pesaran và cộng sự (2001) phát triển để xác định mối quan hệ dài hạn giữa các biến được nghiên cứu. Dựa trên tiêu chí AIC, mô hình tốt nhất cho kiểm định giới hạn là ARDL (6,3,6,3,2). Kết quả trình bày trong Bảng 4 cho thấy giả thuyết H_0 về việc không tồn tại đồng liên kết dài hạn giữa các biến trong mô hình bị bác bỏ ở mức ý nghĩa

1%. Kết quả này xác nhận sự tồn tại của mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa xuất khẩu thủy sản của Việt Nam và các biến độc lập.

Bảng 4. Kết quả kiểm định giới hạn

Mô hình	k	F-Statistic	Mức ý nghĩa	Giá trị tới hạn	
				I(0)	I(1)
ARDL	4	10,316***	5%	2,844	4,095
			1%	3,787	5,226

Ghi chú: k biểu thị số lượng biến độc lập, *** thể hiện mức ý nghĩa thống kê 1%.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả chạy phần mềm STATA

4.4. Ảnh hưởng ngắn hạn và dài hạn của GEPU đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

Với bằng chứng về sự tồn tại của mối quan hệ dài hạn giữa các biến trong mô hình, các tác động bất đối xứng trong ngắn hạn và dài hạn của GEPU đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam được ước lượng bằng mô hình NARDL (6,3,6,3,2). Kết quả thực nghiệm cho thấy trong ngắn hạn, GEPU có tác động bất đối xứng đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Điều đó hàm ý rằng các biến động dương và âm của GEPU ảnh hưởng khác nhau đến hoạt động xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Bảng 5. Ước lượng hệ số ngắn hạn và dài hạn bằng phương pháp NARDL

Biến	Hệ số	t-Statistics
Panel A: Ước lượng ngắn hạn		
$\Delta \text{LNEX}(-1)$	0,007	0,09
$\Delta \text{LNEX}(-2)$	0,131	2,01**
$\Delta \text{LNEX}(-3)$	0,131	2,24**
$\Delta \text{LNEX}(-4)$	0,031	0,56
$\Delta \text{LNEX}(-5)$	0,125	2,64***
ΔLNGEPU^+	0,063	0,71
$\Delta \text{LNGEPU}^+(-1)$	0,21	2,35**
$\Delta \text{LNGEPU}^+(-2)$	0,186	2,16**
ΔLNGEPU^-	0,239	2,51**

$\Delta \text{LNGEPU}^-(-1)$	-0,065	-0,69
$\Delta \text{LNGEPU}^-(-2)$	-0,245	-2,62**
$\Delta \text{LNGEPU}^-(-3)$	-0,089	-1,00
$\Delta \text{LNGEPU}^-(-4)$	0,066	0,74
$\Delta \text{LNGEPU}^-(-5)$	-0,297	-3,38***
ΔLNRER	-2,405	-2,76***
$\Delta \text{LNRER}(-1)$	1,766	1,88*
$\Delta \text{LNRER}(-2)$	-1,753	-1,91*
ΔLNIPI	1,194	12,86***
$\Delta \text{LNIPI}(-1)$	0,305	2,39**
$\text{ECM}(-1)$	-0,475	-6,16***

Panel B: Ước lượng dài hạn

LNGEPU^+	-0,046	-0,51
LNGEPU^-	-0,092	-0,97
LNRER	-0,246	-0,80
LNIPI	-0,078	-0,49
Hằng số	4,252	2,87***

Chú ý: ***, ** và * lần lượt biểu thị mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả chạy phần mềm STATA

Cụ thể, các biến động dương của GEPU có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam ở một số độ trễ. Tại độ trễ một và hai kỳ, hệ số lần lượt là 0,21 và 0,186 (có ý nghĩa ở mức 5%), cho thấy khi GEPU tăng, xuất khẩu thủy sản Việt Nam có xu hướng tăng trong các kỳ tiếp theo. Ngược lại, các biến động âm của GEPU thể hiện tác động phức tạp và rõ rệt hơn. Trong khi tác động tức thời của biến động âm là dương (0,239, có ý nghĩa ở mức 5%), thì ở các độ trễ sau, tác động chuyển sang tiêu cực và có ý nghĩa thống kê, cụ thể tại độ trễ hai và năm với hệ số lần lượt là -0,245 và -0,297. Điều này cho thấy các cú sốc giảm bất định có thể tạo ra phản ứng trái chiều trong ngắn hạn, nhưng về sau lại làm suy giảm xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Đối với các biến kiểm soát, tỷ giá hối đoái thực (RER) có tác động đáng kể trong ngắn hạn. Cụ thể, tại kỳ hiện tại, hệ số của RER là -2,405 (có ý nghĩa ở mức 1%), hàm ý rằng sự tăng giá của nội tệ làm giảm xuất khẩu thủy sản Việt Nam, trong khi sự mất giá của nội tệ có thể thúc đẩy xuất khẩu. Ngoài ra, chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI) có tác động tích cực và mạnh mẽ đến xuất

khẩu thủy sản Việt Nam trong ngắn hạn. Cụ thể, khi IPI tăng 1% sẽ làm xuất khẩu thủy sản Việt Nam tăng ngay 1,194% và tiếp tục tăng 0,305% ở độ trễ một kỳ, cho thấy vai trò quan trọng của năng lực sản xuất trong việc thúc đẩy xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Trong dài hạn, kết quả ước lượng cho thấy không có bằng chứng thống kê về tác động của GEPU, cũng như các biến kiểm soát, đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Cụ thể, cả biến động dương và âm của GEPU đều không có ý nghĩa thống kê, cho thấy bất định chính sách kinh tế toàn cầu không có ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong dài hạn. Tương tự, tỷ giá hối đoái thực và chỉ số sản xuất công nghiệp cũng không có tác động dài hạn đáng kể.

4.5. Kiểm định chẩn đoán và tính ổn định của mô hình

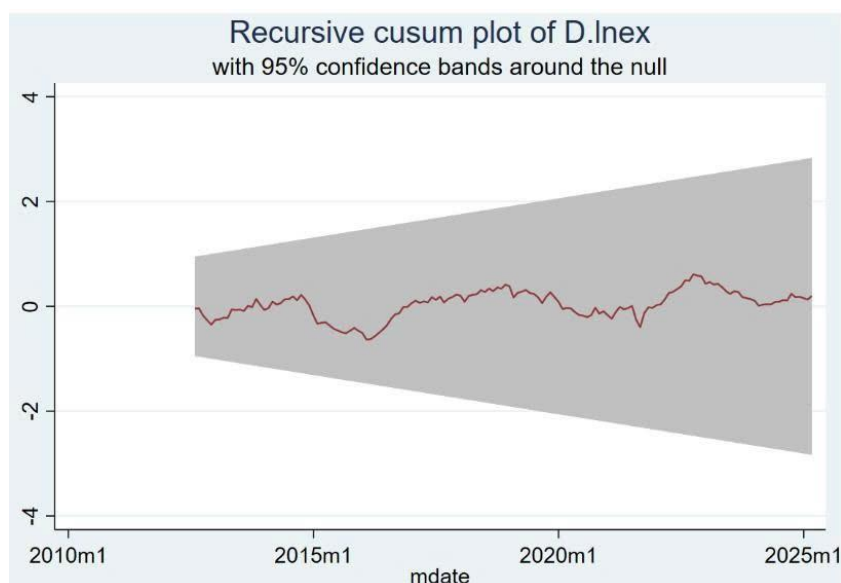
Kết quả kiểm định Breusch-Godfrey được trình bày trong Bảng 6 cho thấy không tồn tại tự tương quan trong mô hình ở mức ý nghĩa 5% ($p\text{-value} = 0,493 > 0,05$). Đồng thời, kết quả kiểm định Breusch-Pagan-Godfrey về hiệu ứng ARCH ($p\text{-value} = 0,641 > 0,05$) cho thấy không có bằng chứng về hiện tượng phương sai thay đổi.

Bảng 6. Kết quả kiểm định Breusch-Godfrey và ARCH

Kiểm định chẩn đoán	Statistics	p-value
Kiểm định Breusch-Godfrey H0: Không có tự tương quan	11,421	0,493
Kiểm định Breusch-Pagan-Godfrey về hiệu ứng ARCH H0: Không có hiệu ứng ARCH	2,523	0,641

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả chạy phần mềm STATA

Bên cạnh đó, để đánh giá tính ổn định của mô hình NARDL, nghiên cứu sử dụng kiểm định CUSUM, được trình bày trong Hình 1. Kết quả cho thấy đường CUSUM nằm trong giới hạn tới hạn ở mức ý nghĩa 5%, hàm ý rằng mô hình có tính ổn định và không xảy ra hiện tượng thay đổi cấu trúc trong giai đoạn nghiên cứu.

Hình 1. Kết quả kiểm định CUSUM

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả chạy phần mềm STATA

5. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu xem xét tác động bất đối xứng trong ngắn hạn và dài hạn của bất định chính sách kinh tế toàn cầu đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam thông qua mô hình NARDL. Kết quả ước lượng cho thấy trong dài hạn, chưa tồn tại bằng chứng thống kê đủ mạnh để khẳng định ảnh hưởng của bất định chính sách kinh tế đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam, hàm ý rằng các cú sốc bất định toàn cầu không tạo ra tác động bền vững đối với hoạt động xuất khẩu trong dài hạn. Ngược lại, trong ngắn hạn, nghiên cứu ghi nhận rõ nét tính bất đối xứng trong tác động của bất định chính sách kinh tế đến xuất khẩu thủy sản. Cụ thể, các cú sốc gia tăng bất định có xu hướng thúc đẩy xuất khẩu tại một số độ trễ nhất định, phản ánh khả năng thích ứng và tận dụng cơ hội của doanh nghiệp trước những biến động của môi trường chính sách quốc tế. Trong khi đó, các cú sốc suy giảm bất định lại tạo ra phản ứng đa chiều và kém ổn định hơn, khi vừa có thể hỗ trợ xuất khẩu trong ngắn hạn, vừa gây tác động tiêu cực ở các độ trễ sâu hơn. Điều này cho thấy quá trình điều chỉnh của hoạt động xuất khẩu thủy sản trước sự thay đổi của mức độ bất định toàn cầu diễn ra không đồng đều và mang tính phi tuyến rõ rệt.

Từ các kết quả trên, nghiên cứu hàm ý rằng mặc dù ảnh hưởng dài hạn của bất định chính sách kinh tế toàn cầu chưa thực sự rõ ràng, song các biến động trong ngắn hạn lại đóng vai trò quan trọng trong việc chi phối xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Do đó, chính sách điều hành cần hướng tới nâng cao năng lực thích ứng trong ngắn hạn trước các cú sốc bất định, đồng thời củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô và năng lực sản xuất trong nước. Việc chủ động theo dõi và dự báo các biến động của môi trường chính sách toàn cầu, kết hợp với các công cụ điều hành linh hoạt, sẽ góp phần hạn chế rủi ro và khai thác hiệu quả các cơ hội thị trường, qua đó thúc đẩy xuất khẩu thủy sản phát triển ổn định và bền vững trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

Tài liệu tham khảo

1. Abel, A. B. (1983). Optimal Investment Under Uncertainty. *American Economic Review*, 73(1), 228-233. Available at: <https://www.jstor.org/stable/1803942>
2. Acemoglu, D., & Tahbaz-Salehi, A. (2025). The Macroeconomics of Supply Chain Disruptions. *Review of Economic Studies*, 92(2), 656-695. <https://doi.org/10.1093/restud/rdae038>
3. Al-Thaqeb, S. A., & Algharabali, B. G. (2019). Economic policy uncertainty: A literature review. *The Journal of Economic Asymmetries*, 20, e00133. <https://doi.org/10.1016/j.jeca.2019.e00133>
4. Arellano, C., Bai, Y., & Kehoe, P. (2010). Financial markets and fluctuations in uncertainty. *Federal Reserve Bank of Minneapolis Working Paper*, 2019-08.
5. Aslan, Ç., & Acikgoz, S. (2023). Analysis of global economic policy uncertainty and export flows for emerging markets with panel VAR modeling. *International Journal of Emerging Markets*, 18(9), 2790-2815. <https://doi.org/10.1108/IJOEM-12-2020-1570>
6. Baker, S. R., Bloom, N., & Davis, S. J. (2016). Measuring Economic Policy Uncertainty*. *The Quarterly Journal of Economics*, 131(4), 1593-1636. <https://doi.org/10.1093/qje/qjw024>
7. Bernanke, B. S. (1983). Irreversibility, Uncertainty, and Cyclical Investment. *The Quarterly Journal of Economics*, 98(1), 85. <https://doi.org/10.2307/1885568>
8. Dash, S. R., Maitra, D., Debata, B., & Mahakud, J. (2021). Economic policy uncertainty and stock market liquidity: Evidence from G7 countries. *International Review of Finance*, 21(2), 611-626. <https://doi.org/10.1111/irfi.12277>
9. Dixit, A. (1989). Intersectoral capital reallocation under price uncertainty. *Journal of International Economics*, 26(3-4), 309-325. [https://doi.org/10.1016/0022-1996\(89\)90006-8](https://doi.org/10.1016/0022-1996(89)90006-8)
10. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. (2025). *Tổng quan ngành*. <https://vasep.com.vn/gioi-thieu/tong-quan-nganh>
11. Hu, S., & Gong, D. (2019). Economic policy uncertainty, prudential regulation and bank lending. *Finance Research Letters*, 29, 373-378. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2018.09.004>
12. Jia, F., Huang, X., Xu, X., & Sun, H. (2020). The Effects of Economic Policy Uncertainty on Export: A Gravity Model Approach. *Prague Economic Papers*, 29(5), 600-622. <https://doi.org/10.18267/j.pep.754>

13. Shin, Y., Yu, B., & Greenwood-Nimmo, M. (2014). Modelling asymmetric cointegration and dynamic multipliers in a nonlinear ARDL framework. In *Festschrift in honor of Peter Schmidt: Econometric methods and applications* (pp. 281-314). New York, NY: Springer New York. https://doi.org/10.1007/978-1-4899-8008-3_9
14. World Trade Organization. (2021). *World trade primed for strong but uneven recovery after COVID-19 pandemic shock*. Press Release No. 876. https://www.wto.org/english/news_e/pres21_e/pr876_e.pdf

ASYMMETRIC IMPACT OF GLOBAL ECONOMIC POLICY UNCERTAINTY ON VIETNAM'S SEAFOOD EXPORTS

Do Thi Huong; Nguyen Thi Thuy Duong; Tran Thi Linh

This study investigates the asymmetric impact of Global Economic Policy Uncertainty (GEPU) on Vietnam's seafood exports over the period from January 2010 to March 2025. Using monthly time-series data and the Nonlinear Autoregressive Distributed Lag (NARDL) model, the study examines the distinct effects of positive and negative GEPU shocks on export performance. The empirical findings reveal that GEPU has a significant asymmetric effect in the short run but no statistically significant impact in the long run. Specifically, increases in policy uncertainty stimulate seafood exports at certain lag intervals, while decreases in uncertainty produce mixed short-run effects that become negative over longer lags. Furthermore, the real exchange rate and the industrial production index are found to significantly affect seafood exports in the short run. The study provides new empirical evidence on the nonlinear effects of global economic policy uncertainty on Vietnam's seafood export sector and offers policy recommendations to strengthen the industry's resilience to external economic uncertainty.

Keywords: *Global Economic Policy Uncertainty, asymmetric impact, Vietnam, seafood exports.*